

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**

**Dự thảo Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh  
và động viên công nghiệp**

Kính gửi:

- Bộ Quốc phòng;
- Văn phòng Chính phủ.

Ngày 30/6/2023, Bộ Quốc phòng có Công văn số 2233/BQP-CNQP gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định hồ sơ dự thảo Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp. Thực hiện quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020), Bộ Tư pháp đã thành lập Hội đồng thẩm định (Quyết định số 1257/QĐ-BTP ngày 04/7/2023) và tổ chức cuộc họp Hội đồng thẩm định vào ngày 07/7/2023. Qua nghiên cứu hồ sơ và trên cơ sở các ý kiến tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau<sup>1</sup>:

**I. VỀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

Sau gần 20 năm triển khai Pháp lệnh Động viên công nghiệp, 14 năm thực hiện Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng và từ kết quả tổng kết thực tiễn hơn 10 năm thực hiện xây dựng và phát triển Công nghiệp an ninh từ Đại hội Đảng lần thứ XI đến nay cho thấy, nhiều chủ trương, quan điểm mới của Đảng, quy định của Hiến pháp năm 2013 liên quan đến công nghiệp quốc phòng (CNQP), công nghiệp an ninh (CNAN) và động viên công nghiệp (ĐVCN) chưa được thể chế hóa đầy đủ, đồng thời, trong quá trình thực hiện pháp luật về CNQP, CNAN và ĐVCN đã bộc lộ nhiều bất cập, vướng mắc (như đã nêu tại Báo cáo tổng kết).

Thời gian qua, Bộ Chính trị đã ban hành các Nghị quyết chuyên đề về xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, trong đó, đề ra những quan điểm, mục tiêu phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước, cụ thể: Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 16/7/2011 khẳng định “*Xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng là nhiệm vụ cơ bản, vừa có ý nghĩa cấp bách trước mắt, vừa là*

<sup>1</sup> Báo cáo thẩm định này cho ý kiến về hồ sơ dự thảo Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp theo đề nghị tại văn bản số 2233/BQP-CNQP của Bộ Quốc phòng (vào số văn bản đến của Bộ Tư pháp số 119 ngày 04/7/2023). Hồ sơ thẩm định được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp ngày ngày 04/7/2023.



*nhiệm vụ, chiến lược lâu dài; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn Đảng, toàn dân, toàn quân”; Nghị quyết số 08-NQ/TW Ngày 26/01/2022 xác định “Công nghiệp quốc phòng là ngành đặc thù, phải được chăm lo xây dựng và phát triển theo một cơ chế đặc thù và được ưu tiên trong đầu tư phát triển” và “Coi trọng phát triển nguồn nhân lực, nguồn lực khoa học công nghệ, huy động tối đa thành tựu của nền công nghiệp quốc gia phục vụ công nghiệp quốc phòng”.*

Bên cạnh đó, ngày 22/3/2018, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2045, trong đó xác định *“Phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng lưỡng dụng, thực sự trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia, tăng cường tiềm lực, tận dụng và phát triển liên kết công nghiệp quốc phòng, an ninh và công nghiệp dân sinh”.*

Điều 68 Hiến pháp năm 2013 quy định *“Nhà nước phát huy tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của Nhân dân, giáo dục quốc phòng và an ninh cho toàn dân; xây dựng công nghiệp quốc phòng, an ninh; bảo đảm trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân, kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, an ninh...”; Điều 4 Luật Quốc phòng năm 2018 quy định “Phát triển khoa học và công nghệ để xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân, công nghiệp quốc phòng, an ninh đáp ứng nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”; Điều 34 Luật Công an nhân dân năm 2018 quy định “Công nghiệp an ninh là bộ phận của công nghiệp quốc phòng, an ninh, phục vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật và xây dựng Công an nhân dân”.*

Do đó, nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực CNQP, CNAN, ĐVCN và khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai pháp luật liên quan, việc xây dựng Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp là cần thiết

## **II. VỀ PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH**

Cơ quan chủ trì soạn thảo dự kiến phạm vi điều chỉnh về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức, hoạt động và chế độ, chính sách đối với công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; chuẩn bị và thực hiện động viên công nghiệp; đồng thời quy định về đối tượng áp dụng của Luật gồm cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Do đó, Bộ Tư pháp nhất trí với phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng nêu trên.

## **III. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH TỪNG NỘI DUNG**

1. Về sự phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng; về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên



a) Sự phù hợp của dự thảo Nghị định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước

Ngày 26/01/2022, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW, trong đó xác định "Công nghiệp quốc phòng là ngành đặc thù, phải được chăm lo xây dựng và phát triển theo một cơ chế đặc thù và được ưu tiên trong đầu tư phát triển" và "Coi trọng phát triển nguồn nhân lực, nguồn lực khoa học công nghệ, huy động tối đa thành tựu của nền công nghiệp quốc gia phục vụ công nghiệp quốc phòng". Như vậy, để triển khai thực hiện nhiệm vụ này theo đúng chỉ đạo của Bộ Chính trị, cơ quan chủ trì soạn thảo cần làm rõ nội hàm của "cơ chế đặc thù và được ưu tiên trong đầu tư phát triển" của công nghiệp quốc phòng để thể hiện thành các chính sách và quy định tương ứng tại dự thảo Luật. Tuy nhiên, qua rà soát, nghiên cứu dự thảo Luật, Bộ Tư pháp nhận thấy, các chính sách về huy động các nguồn lực cho phát triển công nghiệp quốc phòng và công nghiệp an ninh tương tự nhau, chưa có tính "đặc thù", tính "ưu tiên" trong phát triển công nghiệp quốc phòng theo đúng chỉ đạo của Bộ Chính trị.

Công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh và động viên công nghiệp là 03 mảng có sự độc lập nhất định, về công nghiệp quốc phòng có Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 26/1/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về "Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo", về công nghiệp an ninh có Thông báo kết luận số 142-TB/TW của Bộ Chính trị ngày 08/8/2013 về việc thông qua Đề án Chiến lược phát triển công nghiệp an ninh giai đoạn 2013-2020 và định hướng 2030. Hơn nữa, qua nghiên cứu Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng, Pháp lệnh Động viên công nghiệp và Nghị định số 63/2020/NĐ-CP, Bộ Tư pháp thấy rằng chính sách trong mỗi lĩnh vực cũng rất đặc thù, riêng biệt gắn với phương thức tác chiến của quân đội và nhiệm vụ của công an nhân dân. Do đó, khi xây dựng Luật CNQP, AN và ĐVCN, cơ quan chủ trì cần tách bạch rõ chính sách đặc thù đối với từng lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh và động viên công nghiệp, bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

Từ các lý do trên, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, thiết kế xây dựng các điều, khoản tại dự thảo Luật CNQP, AN và ĐVCN theo hướng tách bạch rõ chính sách đối với từng lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh và động viên công nghiệp, bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

b) Về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị định với hệ thống pháp luật

Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 và cơ bản bảo đảm tính hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật.

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp nhận thấy việc quy định một số điều khoản liên quan đến quy hoạch chính sách ưu đãi, chính sách miễn giảm thuế, kéo dài độ



tuổi nghỉ hưu... có liên quan đến các Luật chuyên ngành như Luật Quy hoạch, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân, Luật Công an nhân dân.... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát nội dung của dự thảo Luật để bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ với các quy định pháp luật có liên quan.

Ví dụ: Khoản 1 Điều 4 dự thảo Luật về nguyên tắc "tuân thủ hiến pháp, pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên" với khoản 1 Điều 53 dự thảo Luật về nguyên tắc hợp tác quốc tế chưa thống nhất về trình tự ưu tiên từng loại, đề nghị đảo lại để phù hợp với Luật Điều ước quốc tế. Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ các quy định tại dự thảo Luật để lược bỏ các nội dung không cần thiết do đã được quy định tại các Luật hiện hành, ví dụ như bỏ đoạn 2 khoản 1 Điều 53 bởi đã được quy định tại Luật Điều ước quốc tế (Điều 6) hay nội dung về doanh nghiệp tại Điều 55 cũng được quy định tại Luật Doanh nghiệp.

*c) Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*

Theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì cơ quan chủ trì soạn thảo cần tổ chức nghiên cứu quy định của các Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên và đánh giá về tính tương thích của chính sách đối với các điều ước quốc tế này. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, đánh giá tính tương thích giữa các chính sách dự kiến điều chỉnh tại dự thảo Luật (đặc biệt là chương V về Hợp tác quốc tế về công nghiệp quốc phòng, an ninh) với các Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

## **2. Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Luật**

- Quá trình xây dựng dự án Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đã nghiên cứu, đánh giá các thủ tục hành chính phát sinh theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (sửa đổi năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

- Cơ quan chủ trì soạn thảo đã nghiên cứu, thực hiện lồng ghép bình đẳng giới theo quy định tại Luật Bình đẳng giới, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (sửa đổi năm 2020). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, hoàn thiện Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Luật, bảo đảm đánh giá đầy đủ, toàn diện và đúng quy định của pháp luật.



### 3 Ngôn ngữ, kỹ thuật và hồ sơ, trình tự, thủ tục soạn thảo

#### a) Ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày dự thảo Luật

Về ngôn ngữ, kỹ thuật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh sửa lại nội dung dự thảo Luật để bảo đảm thống nhất, đồng bộ về nội dung trong toàn bộ dự thảo Luật, đồng thời chuẩn xác về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định tại Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020 và Chương V (thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020).

#### b) Hồ sơ, trình tự, thủ tục soạn thảo dự thảo Nghị định

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã xây dựng và chuẩn bị hồ sơ dự thảo Luật cơ bản bảo đảm tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- Về báo cáo đánh giá tác động: Đề nghị bổ sung đánh giá tác động về ngân sách nhà nước phải chi trả cho cơ chế, chính sách mới tại dự thảo Luật.

Ví dụ: Khoản 3 Điều 58 dự thảo Luật quy định ""3. Nhà nước hỗ trợ thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại sản phẩm quốc phòng, an ninh của cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh gồm: a) Kinh phí thường xuyên cho thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại; b) Hỗ trợ, miễn giảm thủ tục tham gia các chương trình xúc tiến thương mại do Nhà nước tổ chức".

Luật Thương mại năm 2015 dành hẳn một Chương gồm 53 điều (từ Điều 88 đến Điều 140) quy định về xúc tiến thương mại, theo đó, xúc tiến thương mại gồm các hình thức khuyến mại/quảng cáo sản phẩm/trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ/hội chợ, triển lãm thương mại. Như vậy, có thể thấy hoạt động xúc tiến thương mại rất đa dạng và tốn kém.

Do đó, khoản 3 Điều 58 dự thảo Luật quy định Nhà nước hỗ trợ kinh phí thường xuyên cho hoạt động xúc tiến thương mại của các cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt (*Cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt gồm: Cơ sở nghiên cứu; cơ sở đào tạo; cơ sở sản xuất, sửa chữa vũ khí trang bị kỹ thuật, vật tư kỹ thuật; cơ sở dịch vụ; cơ sở cất trữ vật tư kỹ thuật cho công nghiệp quốc phòng – điểm a khoản 2 Điều 26 dự thảo Luật*) và cơ sở công nghiệp an ninh (*Các cơ sở công nghiệp an ninh gồm: Cơ sở nghiên cứu; cơ sở ứng dụng, thí nghiệm khoa học, công nghệ được tổ chức thành đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp khoa học công nghệ trong Công an nhân dân- điểm a khoản 2 Điều 30 dự thảo Luật*) sẽ rất lớn. Tuy nhiên, Tờ trình chưa có giải trình về sự cần thiết của quy định cũng như chưa dự kiến điều kiện bảo đảm thi hành.

Bên cạnh đó, quy định nêu trên cũng chưa phù hợp với quy định tại Điều 57, khoản 3 Điều 58 Luật Khoa học và Công nghệ, theo đó, các doanh nghiệp



khoa học công nghệ được hưởng rất nhiều ưu đãi của nhà nước như: *được quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn; được hỗ trợ lãi suất vay vốn tại ngân hàng; được hưởng chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật; được hưởng chính sách ưu đãi về tín dụng đầu tư của Ngân hàng phát triển Việt Nam, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và các quỹ khác để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh...* nhưng không có quy định về việc nhà nước hỗ trợ kinh phí thường xuyên cho hoạt động xúc tiến thương mại của các doanh nghiệp này.

Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ các quy định của dự thảo, nghiên cứu, cân nhắc xác định rõ/khoanh vùng phạm vi hoạt động/sản phẩm được nhà nước hỗ trợ kinh phí quảng bá sản phẩm nhằm mục đích xuất khẩu phù hợp.

#### 4. Các vấn đề cụ thể

##### 4.1. Về hệ thống tổ chức công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh (mục 4, mục 5 Chương II dự thảo Luật)

- Bộ Tư pháp cho rằng chỉ nên quy định những vấn đề mang tính nguyên tắc về tổ chức công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh mà không quy định quá cụ thể, có thể giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm phù hợp với từng giai đoạn, thời kỳ. Đồng thời, đề nghị rà soát kỹ nội dung dự thảo Luật để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

Ví dụ: Dự thảo Luật quy định "**Hình thành các Tập đoàn Công nghiệp quốc phòng lưỡng dụng, hiện đại, có trình độ khoa học - công nghệ cao**" (khoản 2 Điều 29) và "**Hình thành các Tổng công ty có quy mô, tiềm lực, khoa học - công nghệ cao**" đối với công nghiệp an ninh (khoản 2 Điều 32). Theo quy định tại Điều 194 Luật Doanh nghiệp thì "**1. Tập đoàn kinh tế, tổng công ty thuộc các thành phần kinh tế là nhóm công ty có mối quan hệ với nhau thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc liên kết khác. Tập đoàn kinh tế, tổng công ty không phải là một loại hình doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân, không phải đăng ký thành lập theo quy định của Luật này. 2. Tập đoàn kinh tế, tổng công ty có công ty mẹ, công ty con và các công ty thành viên khác. Công ty mẹ, công ty con và mỗi công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty có quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp độc lập theo quy định của pháp luật**". Do đó, Bộ Tư pháp cho rằng, việc thành lập các tập đoàn, tổng công ty khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thì thành lập theo đúng trình tự và thủ tục đã được pháp luật quy định. Do đó, không nhất thiết phải quy định tại Luật này.

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu mô hình và khái niệm về tổ hợp công nghiệp quốc phòng. Nghiên cứu hướng tổ chức lại các cơ sở công



nghiệp quốc phòng nông cốt theo hướng thành lập tổ hợp công nghiệp quốc phòng bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, tiên tiến, hiện đại. Nội dung này cũng đã được thể hiện tại Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 26/01/2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định rõ tổ chức, cơ chế, chính sách của doanh nghiệp công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh là tài chính tự chủ hay dựa vào ngân sách nhà nước, nếu hoàn toàn do ngân sách chi trả thì cần thể hiện cụ thể trong Luật.

Ví dụ như: Khoản 3 Điều 58 dự thảo Luật<sup>2</sup> quy định Nhà nước hỗ trợ kinh phí thường xuyên cho thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại của cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nói chung, trong khi chưa phân định rõ về cơ chế tài chính tự chủ toàn bộ/tự chủ một phần/do ngân sách nhà nước đảm bảo chi trả đối với các cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh là chưa phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

#### **4.2. Về khái niệm, vị trí, nhiệm vụ của công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh và động viên công nghiệp (Điều 2, Điều 3 dự thảo Luật)**

##### *a) Về khái niệm công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh:*

Khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật quy định “Công nghiệp quốc phòng, an ninh là bộ phận của công nghiệp quốc gia, một phần quan trọng của thực lực, tiềm lực quốc phòng, an ninh, là ngành đặc thù, có nhiệm vụ nghiên cứu phát triển, sản xuất, sửa chữa, cải tiến, hiện đại hóa, tăng hạn sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, vật tư kỹ thuật và các sản phẩm, dịch vụ khác phục vụ quốc phòng, an ninh”

Tại khoản 1 Điều 12 Luật Quốc phòng quy định “1. Công nghiệp quốc phòng, an ninh là bộ phận của công nghiệp quốc gia, một phần quan trọng của thực lực, tiềm lực quốc phòng, an ninh, là ngành đặc thù, có nhiệm vụ nghiên cứu phát triển, sản xuất, sửa chữa, cải tiến, hiện đại hóa vũ khí, trang bị, vật tư, thiết bị kỹ thuật và các sản phẩm khác phục vụ quốc phòng, an ninh bảo đảm trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân”.

Như vậy, khái niệm về công nghiệp quốc phòng, an ninh tại dự thảo Luật khác với quy định của Bộ Quốc phòng. Tại hồ sơ dự thảo Luật cơ quan chủ trì soạn thảo cũng ko giải trình về cơ sở, lý do quy định khác với Luật Quốc phòng, do đó, đề nghị Bộ Quốc phòng giải trình về cơ sở, lý do sửa đổi, bổ sung quy

<sup>2</sup> "3. Nhà nước hỗ trợ thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại sản phẩm quốc phòng, an ninh của cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh gồm:a) Kinh phí thường xuyên cho thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại;b) Hỗ trợ, miễn giảm thủ tục tham gia các chương trình xúc tiến thương mại do Nhà nước tổ chức".



định nêu trên làm cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định. Trường hợp quy định như tại dự thảo Luật thì cần bãi bỏ khoản 1 Điều 12 của Luật Quốc phòng tại Luật này.

Bên cạnh đó, với sự bổ sung cụm từ “dịch vụ” tại khái niệm Công nghiệp quốc phòng, an ninh, cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung một số nội dung tại dự thảo Luật về việc cung cấp dịch vụ của các cơ sở công nghiệp quốc phòng, an ninh (khoản 4 Điều 12, khoản 4 Điều 13,...). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình rõ hơn về các dịch vụ mà cơ sở công nghiệp quốc phòng an ninh cung cấp, bên cạnh việc sản xuất các sản phẩm là vũ khí, trang thiết bị như hiện hành.

*b) Về vị trí, nhiệm vụ của công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh:*

+ Khoản 6 Điều 4 dự thảo Luật quy định nguyên tắc xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh như sau: "**Gắn kết chặt chẽ và tận dụng tối đa năng lực của công nghiệp quốc phòng và công nghiệp an ninh. Tránh đầu tư trùng lặp, những gì công nghiệp quốc phòng làm được thì công nghiệp an ninh không đầu tư và ngược lại**". Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phân định rõ nội dung công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh để bảo đảm không bị chồng chéo, trùng lặp, không để hai cơ quan cùng làm một việc, tránh lãng phí nguồn lực. Tuy nhiên, qua rà soát cho thấy dự thảo Luật quy định công nghiệp quốc phòng sản xuất, sửa chữa vũ khí trang bị kỹ thuật, vật tư kỹ thuật và các sản phẩm, dịch vụ phục vụ quốc phòng, an ninh; bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật cho lực lượng vũ trang nhân dân nhưng công nghiệp an ninh cũng có nội dung vũ khí, theo đó, đề nghị phân định sâu hơn nhiệm vụ, thẩm quyền quyết định giữa hai cơ quan này. Tránh việc hai bên cùng triển khai thực hiện một việc.

Ví dụ: khoản 1 Điều 3 dự thảo Luật quy định: "**Công nghiệp quốc phòng là bộ phận của công nghiệp quốc phòng, an ninh; có nhiệm vụ: a) Nghiên cứu, phát triển, sản xuất, sửa chữa, cải tiến, hiện đại hoá, tăng hạn sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật, vật tư kỹ thuật và các sản phẩm, dịch vụ phục vụ quốc phòng, an ninh; b) Bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật cho lực lượng vũ trang nhân dân và các lực lượng thực thi pháp luật khác...**". Tuy nhiên, khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật lại quy định: Công nghiệp an ninh là bộ phận của công nghiệp quốc phòng, an ninh; có nhiệm vụ: a) Nghiên cứu, phát triển, sản xuất, sửa chữa, cải tiến phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ; sửa chữa vũ khí phục vụ công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật; b) Bảo đảm phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ cho lực lượng công an nhân dân và lực lượng thực thi pháp luật khác..." mà không có quy định loại trừ về việc không sản xuất những sản phẩm, dịch vụ đã được công nghiệp quốc phòng đảm nhiệm là chưa đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc tại khoản 6 Điều 4 dự thảo Luật nêu trên. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, chỉnh lý lại quy định dự thảo đảm bảo phù hợp, logic.



+ Việc xác định rõ nhiệm vụ của công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh là cần thiết, trên cơ sở các nhiệm vụ cụ thể của công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh thì mới có các chính sách tương ứng, phù hợp. Tuy nhiên, điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật về nhiệm vụ "tham gia phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" của công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh là chung chung, không rõ nội hàm nhiệm vụ cụ thể. Việc tham gia phát triển kinh tế - xã hội là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, là trách nhiệm của cả xã hội, do đó, việc quy định đây là một nhiệm vụ chính, quan trọng riêng có của công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh là chưa phù hợp. Bên cạnh đó, đề nghị làm rõ nội hàm của "các nhiệm vụ khác" trong công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh tại điểm d khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật để đảm bảo sự tương thích với các chính sách mới, mang tính đặc thù, có tính ưu tiên về công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh tại dự thảo Luật.

#### **4.3. Về quy hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh (Điều 6, Điều 22, Điều 74 dự thảo Luật)**

- Khoản 4 Điều 6 dự thảo Luật quy định "*Quy hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, quy hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp an ninh là quy hoạch ngành quốc gia*". Theo quy định tại khoản 2 Điều 25 và Phụ lục 1 của Luật Quy hoạch thì quy hoạch công nghiệp quốc phòng thuộc quy hoạch ngành quốc gia nhưng không có quy hoạch công nghiệp an ninh. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đã quy định tại khoản 1 Điều 74 về sửa đổi Phụ lục 1 của Luật Quy hoạch cho phù hợp.

Về vấn đề này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì xây dựng Luật Quy hoạch để rà soát, nghiên cứu các quy định tại mục 1 Chương II dự thảo Luật về quy hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, đảm bảo tính khả thi, hợp lý của quy định. Ví dụ: khoản 4 Điều 6 dự thảo Luật quy định "thời kỳ quy hoạch" ngành quốc gia của công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh là "10 năm, tầm nhìn từ 20 năm đến 30 năm". Tuy nhiên, theo quy định của Luật Quy hoạch thì "Tầm nhìn của quy hoạch cấp quốc gia là từ 30 năm đến 50 năm"; hoặc quy định tại Điều 9 dự thảo Luật về quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh cũng chưa hoàn toàn phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch (ví dụ về thẩm quyền tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch ngành quốc gia thuộc Thủ tướng Chính phủ (điểm b khoản 2 Điều 15), Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch để thẩm định quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng (khoản 1 Điều 29) tuy nhiên dự thảo Luật lại quy định Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện)...



- Khoản 3 Điều 22 dự thảo Luật quy định: "*Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, an ninh trong đó có đất phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh*". Như vậy, việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh chỉ là một phần của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, an ninh. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương trong việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đất đai.

#### **4.4. Về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ; Quỹ đặc biệt (Điều 16, 18 dự thảo Luật)**

##### *a) Về Quỹ đặc biệt:*

Khoản 3 Điều 16 dự thảo Luật quy định "*Thủ tướng Chính phủ quyết định việc sử dụng nguồn **Quỹ đặc biệt** phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh bổ sung cho các chương trình, đề án, dự án đầu tư, nhiệm vụ có tính cấp bách, nghiên cứu, chế tạo vũ khí trang bị chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt*".

Tuy nhiên, dự thảo Luật không quy định cơ chế hình thành Quỹ đặc biệt, phương thức quản lý và sử dụng Quỹ này. Đồng thời, qua rà soát các Luật như Luật Quốc phòng, Luật Công an nhân dân, Luật Khoa học và Công nghệ ... cũng không có quy định về Quỹ đặc biệt. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình rõ về cơ chế hình thành, quản lý và sử dụng Quỹ này, đồng thời, phân định rõ các nhiệm vụ của Quỹ này với Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tại Điều 18 dự thảo Luật.

##### *b) Về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ:*

Khoản 9 Điều 18 dự thảo Luật quy định "*Cho phép hình thành **Quỹ phát triển khoa học và công nghệ** ở các cơ quan, đơn vị là đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có quản lý cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh để triển khai hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ*". Tuy nhiên, qua rà soát Luật Khoa học và Công nghệ, Bộ Tư pháp thấy rằng có 03 loại Quỹ phát triển khoa học và công nghệ gồm:

(i) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Điều 61 Luật Khoa học và Công nghệ quy định *Quỹ này được hình thành từ nguồn vốn được cấp một lần ban đầu từ ngân sách nhà nước dành cho phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...*);



(ii) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân (Điều 62 Luật Khoa học và Công nghệ quy định Quỹ này được hình thành từ nguồn vốn đóng góp của tổ chức, cá nhân thành lập không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước);

(iii) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp (Điều 63 Luật Khoa học và Công nghệ quy định: doanh nghiệp nhà nước phải trích một tỷ lệ tối thiểu thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp).

Như vậy, theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ thì không có Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các cơ quan, đơn vị đầu mối thuộc Bộ, ngành. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình về sự cần thiết thành lập Quỹ này tại cơ quan, đơn vị đầu mối thay vì thành lập Quỹ tại doanh nghiệp công nghiệp quốc phòng, doanh nghiệp công nghiệp an ninh, hoặc đưa vào Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để sử dụng có tính liên thông, tổng thể, qua đó bảo đảm việc triển khai trên thực tế được hiệu quả, thuận lợi.

#### **4.5. Về cơ chế, chính sách trong công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh**

a) Về miễn trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hình sự trong hoạt động khoa học và công nghệ (khoản 7 Điều 18 dự thảo Luật):

Khoản 7 Điều 18 dự thảo Luật quy định "*Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh theo nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền phê duyệt được miễn trách nhiệm dân sự và hình sự trong trường hợp xảy ra thiệt hại, rủi ro do nguyên nhân khách quan khi đã thực hiện đầy đủ quy trình, quy định về nghiên cứu khoa học*".

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ cơ sở đề xuất quy định nêu trên, qua rà soát Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự chưa thấy có quy định về miễn trách nhiệm dân sự, miễn trách nhiệm hình sự trong trường hợp này. Điểm d khoản 1 Điều 23 Luật Khoa học và Công nghệ cũng chỉ quy định "Được miễn trách nhiệm dân sự trong trường hợp xảy ra thiệt hại, rủi ro gây ra cho Nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do nguyên nhân khách quan, mặc dù đã thực hiện đầy đủ quy trình, quy định về nghiên cứu khoa học".

b) Về cơ chế trích lại một phần lợi nhuận trong hoạt động khoa học và công nghệ (khoản 2 Điều 18 dự thảo Luật):

Điểm b khoản 2 Điều 18 dự thảo luật quy định "*Thực hiện cơ chế trích lại một phần lợi nhuận từ sản xuất sản phẩm có ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tái đầu tư nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới và thực hiện chính sách tại điểm a Khoản này*". Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo



quy định rõ điều kiện, tiêu chí để được trích lại một phần lợi nhuận cũng như quy định cụ thể về quản lý và sử dụng một phần lợi nhuận trích lại này. Đồng thời, Luật Khoa học và Công nghệ đã quy định doanh nghiệp nhà nước phải trích lại một tỷ lệ tối thiểu thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp<sup>3</sup>. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp cũng đã quy định trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp<sup>4</sup>. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình làm rõ vướng mắc, mâu thuẫn tại các quy định của hai Luật trên, cũng như sự cần thiết phải quy định nội dung này tại dự thảo Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

c) *Về kéo dài thời gian phục vụ trong hoạt động khoa học và công nghệ (Điều 19 dự thảo Luật):*

Khoản 1 Điều 19 dự thảo Luật quy định "**Thành lập Ban Chủ nhiệm đối với Chương trình, đề án, dự án khoa học và công nghệ cấp Bộ trở lên. Thành viên Ban Chủ nhiệm Chương trình, đề án, dự án và người tham gia trực tiếp được hưởng thù lao, được kéo dài thời gian phục vụ. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phân cấp, phân quyền cho Ban Chủ nhiệm Chương trình, đề án, dự án trong quyết định điều chỉnh nội dung nghiên cứu, phương án thực hiện nhiệm vụ và**

<sup>3</sup> Điều 63 Luật Khoa học và Công nghệ về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp:

"1. Doanh nghiệp ngoài nhà nước được khuyến khích thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của mình hoặc đóng góp vào Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của ngành, địa phương và được hưởng quyền lợi theo quy định của Quỹ.

2. Doanh nghiệp nhà nước phải trích một tỷ lệ tối thiểu thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

Chính phủ quy định cụ thể tỷ lệ trích thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để thành lập quỹ và cơ chế quản lý, sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước.

3. Doanh nghiệp có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng quỹ đúng mục đích thành lập quỹ và thông báo việc thành lập quỹ cho cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ địa phương nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp".

<sup>4</sup> Điều 17 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định việc "Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp:

1.[28] Doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. Riêng doanh nghiệp nhà nước, ngoài việc thực hiện trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của Luật này còn phải bảo đảm tỷ lệ trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tối thiểu theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.

2. Trong thời hạn năm năm, kể từ khi trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích thì doanh nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để tính số thuế thu hồi là thuế suất áp dụng cho doanh nghiệp trong thời gian trích lập quỹ.

Lãi suất tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên phần quỹ không sử dụng hết là lãi suất trái phiếu kho bạc loại kỳ hạn một năm áp dụng tại thời điểm thu hồi và thời gian tính lãi là hai năm.

Lãi suất tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên phần quỹ sử dụng sai mục đích là lãi phạt chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế và thời gian tính lãi là khoảng thời gian kể từ khi trích lập quỹ đến khi thu hồi.

3. Doanh nghiệp không được hạch toán các khoản chi từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế.

4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp chỉ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ tại Việt Nam".



*nghiệm thu chuyển sang giai đoạn tiếp theo để đảm bảo được mục tiêu đề ra và đẩy nhanh tiến độ thực hiện".*

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình rõ cơ sở đề xuất quy định Thành viên Ban Chủ nhiệm Chương trình "*được kéo dài thời gian phục vụ*" và thời hạn kéo dài tối đa bao lâu để đảm bảo tính khách quan, phù hợp về tuổi phục vụ của cán bộ chiến sĩ Quân đội nhân dân, Công an nhân dân theo đúng quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân, Luật Công an nhân dân, nhất là trong trường hợp Ban Chủ nhiệm chương trình được *điều chỉnh nội dung nghiên cứu, phương án thực hiện nhiệm vụ.*

d) *Về chế độ, chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh (Điều 47 dự thảo Luật):*

Điều 47 dự thảo Luật quy định các chế độ, chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh như: Miễn tiền sử dụng và các loại thuế đối với diện tích đất phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; giảm tiền sử dụng và các loại thuế đối với diện tích đất quốc phòng, an ninh sử dụng vào mục đích kinh tế; miễn thuế giá trị gia tăng, thuế nhà thầu nước ngoài đối với sản phẩm, dịch vụ thuộc lĩnh vực công nghệ nền, công nghệ lõi, vũ khí trang bị chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về thuế; giảm các loại thuế, phí và ưu đãi trợ giá đối với sản phẩm kinh tế, sản phẩm lưỡng dụng thuộc hàng hóa trong nước chưa sản xuất được;...

Qua rà soát, Bộ Tư pháp thấy rằng hiện nay có rất nhiều quy định liên quan đến vấn đề miễn, giảm thuế, phí, tiền sử dụng đất,..., do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng và giải trình cụ thể về việc bổ sung các quy định nêu trên tại dự thảo Luật. Đồng thời, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình rõ mối quan hệ giữa quy định của Luật này với các Luật chuyên ngành, lý do cần thiết quy định tại Luật này mà không sửa đổi, quy định tại các Luật chuyên ngành. Bộ Tư pháp cho rằng, đối với các vấn đề đã được điều chỉnh bởi Luật chuyên ngành thì cần cân nhắc việc quy định tại Luật này để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

Ngoài ra, Bộ Tư pháp đề nghị rà soát các chính sách ưu đãi tại Đề cương dự thảo Luật nhằm bảo đảm phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của Nhà nước; phù hợp về thẩm quyền (của Quốc hội, Chính phủ). Ví dụ như đối với vấn đề giảm thuế phí, lệ phí: Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị "Về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia về an toàn, bền vững" đã yêu cầu "han chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong các sắc thuế và chính sách miễn, giảm, giãn thuế, bảo đảm tính trung lập của thuế, góp phần tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công bằng, khuyến khích đầu tư,



điều tiết thu nhập hợp lý". Đồng thời, cũng cần xác định cụ thể danh mục các loại thuế được miễn, giảm, tỷ lệ giảm, điều kiện được miễn, giảm... Chính phủ không có thẩm quyền quy định về miễn thuế, do đó, đề nghị cân nhắc quy định tại khoản 14 Điều 47 về việc giao Chính phủ quy định chi tiết.

#### 4.6. Về giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu (các Điều 12, 14, 15 dự thảo Luật)

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ các quy định tại dự thảo Luật bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu. Theo quy định của Luật Đấu thầu, các nội dung về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu (Điều 6), thông tin đấu thầu (Điều 8), thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư (Điều 12), chi phí trong đấu thầu (Điều 13), ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu (Điều 14), đấu thầu quốc tế (Điều 15), chỉ định thầu (Điều 22), chào hàng cạnh tranh (Điều 23), quy trình lựa chọn nhà thầu (Điều 38)... thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 12 dự thảo Luật quy định đấu thầu đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt như sau "**3. Đấu thầu cung cấp sản phẩm quốc phòng, an ninh, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh: Các cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt tham gia đấu thầu cung cấp các sản phẩm quốc phòng, an ninh, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về đấu thầu và quy định của Bộ Quốc phòng**". Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình cụ thể tại Tờ trình về nội dung bổ sung này.

Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 14 quy định "**Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan trực thuộc được ủy quyền lựa chọn phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu quy định tại khoản 1, 2 Điều này và tổ chức thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp theo quy định của Bộ Quốc phòng**". Tuy nhiên, qua rà soát Luật Đấu thầu cho thấy không có quy định về ủy quyền lựa chọn phương thức đấu thầu, đề nghị giải trình thêm về nội dung này.

Điều 15 dự thảo Luật chưa phân biệt rõ trường hợp, điều kiện, thẩm quyền cụ thể quyết định sản phẩm, dịch vụ thực hiện theo phương thức đặt hàng với sản phẩm, dịch vụ thực hiện theo phương thức đấu thầu đối với cơ sở dân sinh, do đó đề nghị rà soát, quy định điều kiện để làm cơ sở xác định Danh mục loại nào đặt hàng, loại nào đấu thầu để tránh gây khó khăn, áp dụng không thống nhất khi triển khai trên thực tế.

#### 4.7. Về một số vấn đề khác

a) Về công nghệ nền, công nghệ lõi (Điều 2, Điều 47 dự thảo Luật):

Điều 2 dự thảo Luật đưa ra định nghĩa: "**Công nghệ nền là một hay nhiều công nghệ có tính chất làm cơ sở cho sự phát triển của các công nghệ khác để ứng dụng trong quá trình xây dựng, sản xuất sản phẩm**" (khoản 20), "**Công nghệ lõi là những công nghệ cốt lõi để tạo ra những sản phẩm, có tính chất quyết định đối với việc hình thành và đảm bảo chất lượng sản phẩm**" (khoản 21). Như vậy, định nghĩa trên về công nghệ nền và công nghệ lõi là rất rộng, có



thể hiểu bất kỳ một sản phẩm được tạo ra có ứng dụng công nghệ/trên dây chuyền công nghệ đều có liên quan đến công nghệ nền, công nghệ lõi. Do đó, đề nghị cân nhắc về sự cần thiết đưa ra định nghĩa về công nghệ nền, công nghệ lõi. Trường hợp quy định các thuật ngữ nêu trên tại dự thảo Luật này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu quy định cụ thể, rõ ràng hơn.

Bên cạnh đó, quy định về việc "*Miễn thuế giá trị gia tăng, thuế nhà thầu nước ngoài đối với sản phẩm, dịch vụ thuộc lĩnh vực công nghệ nền, công nghệ lõi*" tại khoản 6 Điều 47 dự thảo Luật là chưa hợp lý. Qua rà soát Luật Thuế giá trị gia tăng cho thấy không có quy định về miễn thuế giá trị gia tăng mà chỉ có quy định về các đối tượng không chịu thuế. Theo đó, Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng quy định cụ thể 25 nhóm mặt hàng sản phẩm, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế như: Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác; hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân; vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh,.... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, giải trình rõ về cơ sở, lý do quy định nội dung nêu trên.

*b) Về tính lưỡng dụng:*

"Lưỡng dụng" là một chính sách lớn, cần định nghĩa rõ, phân định rõ giới hạn, mức độ lưỡng dụng (không phải mở bung cũng không phải chặt chẽ quá). Có thể cân nhắc ủy quyền cho Chính phủ xác định danh mục sản phẩm/dịch vụ lưỡng dụng của cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở an ninh; danh mục sản phẩm/dịch vụ lưỡng dụng mà cơ sở dân sinh có thể tham gia. Điều 24 dự thảo Luật quy định về điều kiện tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân còn khá trừu tượng, cần làm rõ về điều kiện, thủ tục, ... trong bối cảnh đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thể tham gia thuận lợi.

*c) Về chức danh Tổng công trình sư:*

Dự thảo Luật cần xác định rõ Tổng công trình sư là một nhà quản lý hay một nhà khoa học. Nếu không làm rõ, sau này sẽ thêm một chức danh tổng công trình sư có vai trò quản lý nhà nước. Nếu Tổng công trình sư có vai trò quản lý nhà nước thì phải được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước. Đồng thời, đề nghị làm rõ chế độ làm việc của đối tượng này để xác định chế độ, chính sách về lương, thưởng, phụ cấp... phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

*d) Về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội:*

Khoản 2 Điều 52 quy định trong thời gian **diễn tập** động viên công nghiệp nếu người lao động "*không tham gia bảo hiểm y tế, nếu bị ốm đau, bị tai*



nạn, bị thương thì được thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh" (điểm b); "không tham gia bảo hiểm xã hội, nếu bị tai nạn làm suy giảm khả năng lao động theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa thì được xét trợ cấp tùy theo mức độ suy giảm khả năng lao động; nếu chết thì được hưởng trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí theo quy định của pháp về bảo hiểm xã hội" (điểm c). Việc quy định như vậy vô hình chung có thể khuyến khích việc không tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện. Do đó, đề nghị quy định theo hướng Nhà nước **hỗ trợ** chi phí khám chữa bệnh, chi phí mai táng... đối với các trường hợp trên khi người lao động chưa có bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

e) *Về nguồn vốn cho phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh:*

Khoản 2 Điều 17 dự thảo Luật quy định "Nhà nước **ưu tiên** bố trí các nguồn ngân sách để xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo quy hoạch, kế hoạch đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt trong từng thời kỳ". Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần nhắc không dùng từ "ưu tiên" vì chung chung, không rõ nội hàm của ưu tiên, theo đó nên quy định theo hướng Nhà nước bảo đảm bố trí các nguồn ngân sách để xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng thời kỳ, từng giai đoạn.

g) *Về phân định thẩm quyền, phân công nhiệm vụ:*

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần nhắc quy định tại Điều 61 dự thảo Luật về quy định trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ, bởi các nội dung này đã được quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ.

Bên cạnh đó, đề nghị rà soát các quy định tại dự thảo Luật để đảm bảo đúng thẩm quyền. Qua rà soát dự thảo Luật, Bộ Tư pháp nhận thấy nhiều điều, khoản ủy quyền ban hành quy định pháp luật cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an. Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì "Văn bản quy phạm pháp luật phải được quy định cụ thể để khi có hiệu lực thì thi hành được ngay". Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu xây dựng dự thảo Luật theo hướng quy định cụ thể các nội dung cần điều chỉnh, hạn chế tối đa việc ủy quyền tiếp trong Luật.

Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu các điều, khoản về phân công nhiệm vụ hoạt động công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh và thực hành động viên công nghiệp cho các Bộ, ngành (các Điều 64, 65, 66, 67, 68...) để bảo đảm tính hợp lý, khả thi, tiết kiệm, hiệu quả. Bên cạnh đó, đề nghị cần nhắc về sự cần thiết của việc quy định vấn đề này tại dự thảo Luật, vì việc phân công cụ thể nhiệm vụ của các bộ, ngành là thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

h) *Về điều khoản thi hành*

Khoản 2 Điều 73 dự thảo Luật quy định "Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và luật, nghị quyết khác của Quốc hội ban hành trước ngày



*Luật này có hiệu lực thi hành về cùng một vấn đề trong các chính sách công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp thì áp dụng quy định của Luật này". Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc không quy định vấn đề này vì Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã quy định rõ nguyên tắc áp dụng pháp luật.*

Các nội dung khác thuộc lĩnh vực tài chính, kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành, không thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp nên Bộ Tư pháp không có ý kiến. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tổng hợp đầy đủ ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức có liên quan để nghiên cứu hoàn thiện hồ sơ dự án Luật bảo đảm tính hợp lý, khả thi.

#### V. KẾT LUẬN

Dự thảo Luật đủ điều kiện trình Chính phủ sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến được nêu tại Báo cáo thẩm định này. Đề nghị Quý cơ quan nghiên cứu và hoàn thiện hồ sơ dự án Luật trước khi trình Chính phủ./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ VĐCXDPL (để theo dõi);
- Bộ Công an;
- Lưu: VT, Vụ PLHSHC.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**TƯ PHÁP**



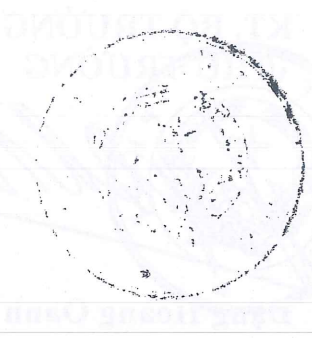
**Đặng Hoàng Oanh**



Lưu ý: Các nội dung khác thuộc lĩnh vực tài chính, kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành, không thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp nên Bộ Tư pháp không có ý kiến. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức có liên quan để nghiên cứu hoàn thiện hồ sơ dự án Luật bảo đảm tính hợp lý, khả thi.

### V. KẾT LUẬN

Dự thảo Luật đã được trình Chính phủ sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến được nêu tại Báo cáo thẩm định này. Đề nghị Ủy ban nghiên cứu và hoàn thiện hồ sơ dự án Luật trình Thủ tướng Chính phủ.



Trưởng Bộ Tư pháp  
Nguyễn Văn Hùng